1. **Chỉ có pháp luật mới mang tính quy phạm.**

=> Nhận định này Sai. Ngoài pháp luật, các quy phạm xã hội khác cũng mang tính quy phạm.

1. **Ngôn ngữ pháp lý rõ ràng, chính xác thể hiên tính quy phạm phổ biến của pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Tính quy phạm phổ biến của pháp luật thể hiện ở chỗ Pháp luật là những quy tắc sử sự chung, được coi là khuôn mẫu chuẩn mực đối với hành vi của một cá nhân hay tổ chức

1. **Văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan Nhà nước, các cá nhân tổ chức ban hành.**

=> Nhận định này Sai. Văn bản quy phạm Nhà nước do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, các cá nhân có thẩm quyền ban hành.Phạt tù

1. **Nhà nước bảo đảm cho pháp luật được thực hiện bằng những biện pháp như giáo dục thuyết phục, khuyến khích và cưỡng chế.**

=> Nhận định này Sai. Nhà nước bảo đảm cho pháp luật bằng duy nhất biện pháp cưỡng chế.

1. **Pháp luật Việt Nam thừa nhận tập quán, tiền lệ là nguồn chủ yếu của pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Các văn bản quy phạm pháp luật là nguồn chủ yếu của phápluật Việt Nam.

1. **Pháp luật Việt Nam chỉ thừa nhận nguồn hình thành pháp luật duy nhất là các văn bản quy phạm pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Ngoài các văn bản quy phạm pháp luật, nguồn của pháp luật còn bắt nguồn từ tiền lệ, tập quán, các quy tắc chung của quốc tế…

1. **Tập quán là những quy tắc xử sự được xã hội công nhận và truyền từ đời này sang đời khác.**

=> Nhận định này Sai. Tập quán chỉ được cộng đồng nơi tồn tại tập quán đó thừa nhận.

1. **Tiền lệ là những quy định hành chính và án lệ.**

=> Nhận định này Sai. Tiền lệ bao gồm hệ thống các án lệ, những vụ việc đã đc xétxử trước đó, được Nhà nước xem là khuôn mẫu. Các quy định hành chính được Nhà nước ban hành, không phải tiền lệ

1. **Những quan hệ pháp luật mà Nhà nước tham gia thì luôn thể hiện ý chỉ của Nhà nước.**

**=> Nhận định này Đúng. Nhà nước là chủ thể đặc biệt của những quan hệ pháp luật, do pháp luật do Nhà nước đặt ra. Khi tham gia những quan hệ pháp luật, thì những quan hệ đó luôn luôn thể hiện ý chí của Nhà nước.**

1. **Quan hệ pháp luật phản ánh ý chí của các bên tham gia quan hệ.**

=> Nhận định này Đúng. Quan hệ pháp luật phản ánh ý chí của Nhà nước và ý chí các bên tham gia quan hệ trong khuôn khổ ý chí của Nhà nước

1. **Công dân đương nhiên là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Chủ thể của pháp luật còn có thể là các tổ chức có năng lực pháp lý

1. **Cá nhân tham gia vào quan hệ pháp luật sẽ trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Muốn trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật đó, cá nhân phải có năng lực hành vi.

1. **Năng lực hành vi của mọi cá nhân là như nhau.**

=> Nhận định này Sai. Năng lực hành vi của mỗi cá nhân có thể khác nhau, ví dụ người dưới 18 tuổi so với ngưới từ 18 tuổi trở lên

1. **Năng lực pháp luật của mọi pháp nhân là như nhau.**

=> Nhận định này Sai. Các pháp nhân được quy định năng lực pháp luật ở mức độ khác nhau, dựa trên quy định của pháp luật

1. **Năng lực pháp luật của chủ thể là khả năng thực hiện các quyền và nghĩa vụ do chủ thể đó tự quy định.**

=> Nhận định này Sai. Năng lực pháp luật của chủ thể là khả năng thực hiện các quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định

1. **Năng lực pháp luật của chủ thể trong quan hệ pháp luật phụ thuộc vào pháp luật của từng quốc gia.**

=> Nhận định này Đúng. Năng lực pháp luật của chủ thể do pháp luật quy định, mỗi pháp luật lại phụ thuộc vào quốc gia ban hành

1. **“Năng lực hành vi của chủ thể” phụ tuộc vào độ tuổi, tình trạng sức khỏe, trình độ của chủ thể.**

=> Nhận định này Sai. Nó không phụ thuộc vào trình độ của chủ thể

1. **Chủ thể không có năng lực hành vi thì không thể tham gia vào các quan hệ pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Chủ thể không có năng lực hành vi có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật thông qua người ủy quyền, người giám hộ…

1. **Năng lực pháp luật phát sinh kể từ khi các cá nhân được sinh ra.**

=> Nhận định này Đúng. Chỉ có năng lực pháp luật của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết

1. **Năng lực pháp luật của Nhà nước là không thể bị hạn chế.**

=> Nhận định này Sai. Năng lực pháp luật của Nhà nước bị hạn chế bởi pháp luật

1. **Nội dung của quan hệ pháp luật đồng nhất với năng lực pháp luật vì nó bao gồm quyền và nghĩa vụ pháp lý.**

=> Nhận định này Sai. Năng lực pháp luật xuất hiện từ lúc sinh, tuy nhiên quan hệ pháp luật phụ thuộc vào một số yêu tố khác (Ví dụ: từ đủ 18 tuổi mới có thể kết hôn…)

1. **Nghĩa vụ pháp lý của chủ thể chính là hành vi pháp lý.**

=> Nhận định này Sai. Nghĩa vụ pháp lý là những hành vi mà pháp luật quy định các cá nhân, tổ chức có nghĩa vụ phải thực hiện. Hành vi pháp lý là những sự kiện xảy ra theo ý chí của con người (Ví dụ: hành vi trộm cắp…)

1. **Khách thể của quan hệ pháp luật là những yếu tố thúc đẩy cá nhân, tổ chức tham gia vào quan hệ pháp luật.**

=> Nhận định này Đúng. Khách thể của quan hệ pháp luật là những lợi ích mà các chủ thể mong muốn đạt được khi tham gia vào quan hệ pháp luật đó

1. **Sự kiện pháp lý là yếu tố thúc đẩy chủ thể tham gia vào các quan hệ pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Sự kiện pháp lý là những sự việc cụ thể xảy ra trong đời sống phù hợp với những điều kiện, hoàn cảnh đã được dự liệu trong một quy phạmpháp luật từ đó làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt một QHPL cụ thể

1. **Các quan hệ pháp luật xuất hiện do ý chí các cá nhân.**

=> Nhận định này Sai. Các quan hệ pháp luật xuất hiện do ý chí các cá nhân, tuy nhiên cũng phải trong khuôn khổ ý chí của Nhà nước

1. **Đối với cá nhân, năng lực hành vi gắn với sự phát triển của con người và do các cá nhân đó tự quy định.**

=> Nhận định này Sai. Năng lực hành vi của mỗi cá nhân là do pháp luật quy định

1. **Người bị hạn chế về năng lực hành vi thì không bị hạn chế về năng lực pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Người bị hạn chế về năng lực pháp luật cũng đồng thời bị hạn chế về năng lực hành vi

1. **Người bị kết án tù có thời hạn chỉ bị hạn chế về năng lực hành vi, không bị hạn chế năng lực pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Những người này bị hạn chế về năng lực pháp luật (Ví dụ: không có năng lực pháp luật để ký kết hợp đồng kinh tế)

1. **Người say rượu là người có năng lực hành vi hạn chế.**

=> Nhận định này Sai. Người có năng lực hành vi hạn chế là người được tòa án tuyên bố bị hạn chế năng lực hành vi

1. **Người đủ từ 18 tuổi trở lên là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Chủ thể của quan hệ pháp luật có thể là tổ chức có tư cách pháp nhân

1. **Nhà nước là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Chủ thể củ a các quan hệ pháp lu ật có thể là các cá nhân cóđầy đủ năng lực, hoặc các tổ chức có tư cách pháp nhân

1. **Nghĩa vụ pháp lý đồng nhất với hành vi pháp lý của chủ thể.**

=> Nhận định này Sai. Nghĩa vụ pháp lý là những điều được quy định trong văn bản pháp lý. Hành vi pháp lý là những hành vi xảy ra phụ thuộc vào ý chí của cá nhân (có thể phù hợp hoặc vi phạm văn bản pháp lý)

1. **Chủ thể của hành vi pháp luật luôn là chủ thể của quan hệ pháp luật và ngược lại.**

=> Nhận định này Sai. các quan hệ pháp luật chỉ xuất hiện khi có sự kiện pháp lý chủ thể của hành vi pháp luật thì không

1. **Năng lực pháp luật của người đã thành niên thì rộng hơn người chưa thành niên.**

=> Nhận định này Sai. Năng lực pháp luật của mọi người là như nhau, xuất hiện từkhi ra đời (trừ khi bị hạn chế bởi pháp luật)

1. **Năng lực pháp luật của các cá nhân chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật.**

=> Nhận định này Đúng. NLPL của các cá nhân chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật mà nội dung của nó phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế , chính trị, xã hội…

1. **Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều là những hành vi trái pháp luật.**

=> Nhận định này Đúng. Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, vi phạm những quy định trong các quy phạm pháp luật, gây thiệt hại cho xã hội.

1. **Mọi biện pháp cưỡng chế của Nhà nước đều là biện pháp trách nhiệm pháp lý.**

=> Nhận định này Đúng. Trách nhiệm pháp lý luôn gắn liền với các biện pháp cưỡng chế Nhà nước được quy định trong phần chế tài củ a các quy phạm pháp luật. Đây là điểm khác biệt giữa trách nhiệm pháp lý với các biện pháp cưỡng chế khác của Nhà nước như bắt buộc chữa bệnh, giải phóng mặt bằng…

1. **Những quan điểm tiêu cực của chủ thể vi phạm pháp luật được xem là biểu hiện bên ngoài (mặt khách quan) của vi phạm pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Biểu hiện của vi phạm pháp luật phải là những hành vi, không phải quan điểm

1. **Hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật gây ra đều phải là sự thiệt hại về vật chất.**

=> Nhận định này Sai. Hậu quả do hành vi trái pháp luật gây ra có thể là thiệt hại về mặt vật chất, tinh thần hoặc những thiệt hại khác cho xã hội

1. **Chủ thể của vi phạm pháp luật có thể chịu đồng thời nhiều trách nhiệm pháp lý.**

=> Nhận định này Đúng. Ví dụ một người phạm tội vừa có thể bị phạt tiền, vừa có thể phải ngồi tù, tùy theo loại, mức độ vi phạm và các tình tiết tăng nặng.

1. **Không thấy trước hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội thì không bị xem là có lỗi.**

=> Nhận định này Sai. Đây là lỗi vô ý do cẩu thả. Chủ thể không nhìn thấy trước hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội trong điều kiện mà đáng lẽ ra phải thấy trước.

1. **Hành vi chưa gây thiệt hại cho xã hội thì chưa bị xem là vi phạm pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Hành vi mà gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt h ại cho xã hội, được quy định trong các văn bản pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật.

1. **Phải là người đủ 18 tuổi trở lên thì mới được coi là chủ thể của vi phạm pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Chủ thể của hành vi vi phạm pháp luật có thể là bất cứ cá nhân tổ chức nào có năng lực trách nhiệm pháp lý

1. **Sự thiệt hại thực tế xảy ra cho xã hội là dấu hiệu bắt buộc trong mặt khách quan của vi phạm pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Chỉ cần đe dọa gây thiệt hại cho xã hội cũng có thể là dấu hiệu trong mặt khách quan của vi phạm pháp luật.

1. **Một hành vi vừa có thể đồng thời là vi phạm pháp luật hình sự vừa là vi phạm pháp luật hành chính, nhưng không thể đồng thời là vi phạm pháp luật dân sự, vừa là vi phạm pháp luật hình sự**

=> Nhận định này Sai. Hành vi vi phạm hành chính thì chủ thể chưa cấu thành t ội phạm, còn hành vi vi phạm luật hình sự thì chủ thể là tội phạm, gây nguy hại hoặc đe dọa gây nguy hại cho xã hội.

1. **Trách nhiệm pháp lý là bộ phận chế tài trong quy phạm pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Đây chỉ là định nghĩa trách nhiệm pháp lý theo hướng tiêu cực. Theo hướng tích cực, các biện pháp cưỡng chế hành chính nh ắm ngăn chặn dịch bệnh không là bộ phận chế tài trong quy phạm pháp luật

1. **Mọi biện pháp cưỡng chế của Nhà nước đều là biện pháp trách nhiệm pháp lý và ngược lại.**

=> Nhận định này Đúng. Biện pháp trách nhiệm pháp lý luôn gắn liền với biện pháp cưỡng chế của Nhà nước

1. **Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý.**

=> Nhận định này Sai. Ví dụ : hành vi hiếp dâm là vi phạm pháp luật, nhưng trong đa số trường hợp, nếu nạn nhân bác đơn hoặc không tố giác thì chủ thể sẽ không phải chịu trách nhiệm pháp lý

1. **Mọi hành vi trái pháp luật đều là hành vi vi phạm pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Không phải tất cả hành vi trái pháp luật đều là vi phạm pháp luật. Vì chỉ có hành vi trái pháp luật nào được chủ thể thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mới có thể là hành vi vi phạm pháp luật. Dấu hiệu trái pháp luật mới chỉ là biểu hiện bên ngoài của hành vi. Để xác định hành vi vi phạm pháp luật cần xem xét cả mặt chủ quan của hành vi nghĩa là xác định trạng thái tâm lý của người thực hiện hành vi đó, xác định lỗi của họ. Bởi vì nếu một hành vi được thực hiện do những điều kiện và hoàn cảnh khách quan và chủ thể không thể ý thức được, từ đó không thể lựa chọn được cách xử sự theo yêu cầu của pháp luật thì hành vi đó không thể coi là có lỗi, không thể coi là vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó hành vi trái pháp luật của những người mất trí (tâm thần), trẻ em (chưa đến độ tuổi theo quy định của PL) cũng không được coi là VPPL vì họ không có khả năng nhận thức điều khiển được hành vi của mình.

1. **Quan điểm tiêu cực của các chủ thể vi phạm pháp luật được xem là biểu hiện bên ngoài của vi phạm pháp luật.**

=> Nhận định này Sai. Biểu hiện của vi phạm pháp luật phải là những hành vi, không phải quan điểm.

1. **Mọi hậu quả do vi phạm pháp luật gây ra đều phải được thực hiện dưới dạng vật chất.**

=> Nhận định này Sai. Nó còn có thể hiện dưới dạng tổn hại tinh thần hoặc đe dọa tổn hại.

1. **Một vi phạm pháp luật không thể đồng thời gánh chịu nhiều loại trách nhiệm pháp lý.**

=> Nhận định này Sai. Một vi phạm pháp luật vẫn có thể vừa gánh trách nhiệm hành chính, vừa gánh trách nhiệm dân sự.

1. **Tiền lệ pháp là hình thức pháp luật lạc hậu, thể hiện trình độ pháp lý thấp.**

=> Nhận định này Sai. Rất nhiều nước tiến bộ trên thế giới bây giờ trong hệ thống pháp luật của họ chủ yếu là tồn tại dưới dạng không thành văn, thừa nhận rất nhiều Án lệ: những nước trong hệ thống luật Anh- Mĩ.

1. **Pháp luật luôn tác động tích cực đối với kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển.**

=> Nhận định này Sai. Nếu pháp luật tiến bộ, phản ánh được thực tiễn, dự báo được tình hình phát triển của xã hội thì sẽ thúc đẩy tiến bộ xã hội. Ngược lại sẽ kìmhãm sự phát triển xã hội

1. **Pháp luật là tiêu chuẩn (chuẩn mực) duy nhất đánh giá hành vi của con người.**

=> Nhận định này Sai. Ngoài pháp luật còn rất nhiều những chuẩn mực khác: Đạo đức chẳng hạn.

1. **Tiền lệ pháp là hình thức pháp luật lạc hậu, thể hiện trình độ pháp lý thấp.**

=> Nhận định này Sai. Rất nhiều nước tiến bộ trên thế giới bây giờ trong hệ thống pháp luật của họ chủ yếu là tồn tại dưới dạng không thành văn, thừa nhận rất nhiều Án lệ: những nước trong hệ thống luật Anh – Mĩ

1. **Các quy phạm xã hội luôn đóng vai trò hỗ trợ việc thực hiện pháp luật.**

=> Nhận định này Đúng. Các quy phạm xã hội khác như quy phạm đạo đức thể hiện phong tục tập quán, tư tưởng của quần chúng nhân dân. Nếu QPPL được ban hành hợp tình, hợp lí thì việc thực hiện trên thực tế sẽ dễ dàng hơn. Nó đóng vai tròtích cực trong việc hỗ trợ thực hiện PL